TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 06/2019DS - ST
Ngày 29/8/2019
V/v xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ký

Ông Đinh Tiến Viễn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô*** *tham gia phiên toà:* Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QDDST – HNGĐ ngày 14/8/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Tống Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm 2, thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn**: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị T trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 05 tháng 9 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tôn trọng nhau, anh H hay uống rượu, bỏ bê công việc và không quan tâm đến vợ con. Chị khuyên nhủ nhưng anh H không nghe mà còn chửi bới đánh đập chị. Do vợ chồng sống không hạnh phúc nên từ tháng 8/2012 chị bỏ về sống tại nhà bố mẹ

đẻ ở xã Y và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay đã 9 năm không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Chị và anh H có một con chung là cháu Phạm Thu T, sinh ngày 27/10/2012. Từ khi sinh cháu T đến nay anh H không quan tâm đến mẹ con chị T, nên khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu T và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập anh Phạm Văn H theo địa chỉ anh H đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú, bố anh H là ông Phạm Văn C đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo lại cho anh Phạm Văn H nhưng anh H đều không đến Tòa án làm việc. Tại biên bản lấy lời khai ông Phạm Văn C đã cung cấp anh H và chị T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Mô ngày 05/9/2011. Sau khi kết hôn thì anh H chị T sống cùng gia đình ông được khoảng 2 tháng thì chuyển về quê chị T sống và ông cũng không biết vợ chồng mâu thuẫn như thế nào nhưng anh H và chị T sống ly thân nhau gần 10 năm nay. Anh H đi làm ăn xa không có địa chỉ cố định, thỉnh thoảng vào ngày nghỉ anh H có về thăm nhà. Khi nhận được các văn bản của Tòa án về việc chị T xin ly hôn anh H, ông C đã thông báo cho anh H biết, anh H cũng đồng ý ly hôn nhưng không gửi các văn bản giấy tờ gì về cho Tòa án. Quan điểm của ông Chấn cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết để cho anh H và chị T được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thời gian. Nguyên đơn chấp hành đúng qui định; bị đơn là anh Phạm Văn H không chấp hành các qui định về tố tụng dân sự, không có mặt tại Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do chị T và anh H sống ly thân đã lâu không còn quan tâm chăm sóc nhau nên xác định mâu thuẫn giữa anh H và chị T là trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Tống Thị T được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thu Trang sinh ngày 27/10/2012cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Chấp nhận đề nghị của chị T về việc không yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn là chị Tống Thị T có hộ khẩu thường trú tại xóm 2 thôn N, xã Y, huyện Y, xin ly hôn anh Phạm Văn H, có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã Y, huyện Y. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn là đúng qui định tại Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn H đã được Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tống đạt hợp lệ hai lần giấy triệu tập anh H đến phiên tòa nhưng anh H vẫn không có mặt tại phiên tòa và không có lý do. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn H là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Mô, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh H và chị T luôn bất đồng trong cách sống nên vợ chồng xẩy ra nhiều mâu thuẫn cải chửi nhau. Đến tháng 7/2012 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh H, do anh H không có mặt ở nhà ông Chấn (bố đẻ) anh H đã nhận và thông báo cho anh H biết nhưng anh H không cung cấp địa chỉ cụ thể hiện nay, không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến thể hiện quan điểm của mình gửi cho Tòa án về việc chị T xin ly hôn anh; thể hiện anh H là người cố tình dấu địa chỉ, từ chối cung cấp các chứng cứ liên quan đến quan hệ hôn nhân của anh H, chị T nên anh H phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp chứng cứ. Tại phiên tòa chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị vẫn kiên quyết xin ly hôn anh H. Bố đẻ anh H (ông Chấn) cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị T xẩy ra đã lâu, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2012. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn

cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là cháu Phạm Thu T, sinh ngày 27/10/2012. Hiện tại cháu T đang ở cùng chị T. Nay vợ chồng ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng. HĐXX xét thấy từ khi chị T và anh H ly thân, chị T sinh cháu T đến nay cháu T vẫn sinh sống cùng chị T, anh H không có trách nhiệm gì với cháu T. Nay chị T vẫn đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng mặc dù đã được HĐXX phân tích nghĩa vụ và trách nhiệm của cha mẹ đối với con khi vợ chồng ly hôn. Do vậy cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thu T, anh H không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị T.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo qui định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 - Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị T. Xử cho chị Tống Thị T được ly hôn anh Phạm Văn H. Quan hệ hôn nhân của chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thu T, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Tống Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T đủ tuổi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Chị T không được cản trở anh H thăm nom con chung.

2. Án phí: Chị Tống Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/ 0002151 ngày 18/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

Án xử công khai sơ thẩm, Chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thờ hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình(1)*
- *VKSND huyện Yên Mô(1)*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình (1)*
- *Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)*
- *UBND xã Yên Đồng, Yên Lâm(2)*
- *Các đương sự (2)*
- *Lưu HS, VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa